

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, xuất nhập khẩu, xây dựng, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật; xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;
- Karaoke;
- Giết mổ gia súc;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty có nghiệp vụ phát sinh ảnh hưởng đến báo cáo tài chính như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao, tăng 89,52% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân doanh thu tăng chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Sản lượng xăng dầu bán ra trong cùng kỳ so với cùng kỳ năm trước tăng 59,46%;

- Công ty ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với số tiền 380.168.112.860 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Trong kỳ, Công ty đã trả số tiền 316.409.898.337, số tiền vay còn lại chưa trả 63.758.214.523 đồng. Chi phí lãi vay trong kỳ tương ứng khoản vay nêu trên với số tiền 625.457.297 đồng.

6. Cấu trúc của doanh nghiệp

Công ty có một (01) công ty con và một (01) Công ty liên doanh, liên kết. Chi tiết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại dịch vụ	100%	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Số 179 Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Chế biến thực phẩm	35,00%	35,00%	35,00%

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	TÊN ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
1	Cửa hàng xăng dầu Số 01	7A1 QL22, ấp 2, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
2	Cửa hàng xăng dầu Số 02 Đông Thạnh	3/35B Đặng Thúc Vịnh, ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
3	Cửa hàng xăng dầu Số 03	19 Lê Lợi, khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
4	Cửa hàng xăng dầu Thị Trấn	88 Bà Triệu, khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
5	Cửa hàng xăng dầu Trung Mỹ Tây	2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
6	Cửa hàng xăng dầu Tân Xuân	1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
7	Cửa hàng xăng dầu Tân Chánh Hiệp	2/7 A, Đường Tô Ký, Khu phố 2, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
8	Cửa hàng xăng dầu Thới Tam Thôn	30/4 Tô Ký, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
9	Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn	30F QL 22, ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhi, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
10	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 1	66/7D Quốc lộ 22, ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.HCM

11	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 2	14/1B Phan Văn Hớn, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
12	Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	11/6A Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
13	Cửa hàng ăn uống Hương Cau	3/27 Quốc lộ 22, Thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TP.HCM
14	Cửa hàng xăng dầu Số 03 Đông Thạnh	Số 656 Lê Văn Khương, ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
15	Cửa hàng An Khang	Số 2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
16	Cửa hàng Phú Mỹ	126/11 Trường Chinh, Lạc Quang, Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 128 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 126 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

75-C
TY
HỮU
TƯ
VIỆ
CH

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Doanh nghiệp đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07-50 năm
Máy móc, thiết bị	06-07 năm
Phương tiện vận tải	06-08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05-08 năm
Quyền sử dụng đất	20 -50 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

▪ Nguyên tắc đánh giá

- Bất động sản đầu tư là nhà lồng chợ, cơ sở hạ tầng, chi phí san lấp mặt bằng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.
- Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

- Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng

- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định thuê tài chính

Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà lồng chợ	25 năm
Chi phí san lấp mặt bằng	50 năm
Chi phí đền bù	20 năm

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong.
- Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo nguyên tắc: khoản tiền mà người bán nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hóa và cung cấp dịch vụ (cho thuê các sạp kinh doanh), tài sản cho người mua sử dụng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn góp của chủ sở hữu: là số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần;
- Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.
- Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của Kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của Kỳ trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

14. Nguyên tắc ghi nhận phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán Xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê mặt bằng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản thuế tiêu thụ đặc biệt.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, chi phí trực tiếp của khối lượng hàng hóa dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	979.427.108	54.183.406
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.353.724.692	6.480.353.924
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	1.200.000.000	16.042.166.667
Cộng	<u>3.533.151.800</u>	<u>22.576.703.997</u>

^(*) Khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	4.990.219.535	4.523.389.935	(466.829.600)	4.467.087.549	3.988.426.749	(478.660.800)
- Cổ phiếu TTH	884.434.665	777.852.065	(106.582.600)	-	-	-
- Cổ phiếu PVD	549.701.818	549.701.818	-	-	-	-
- Cổ phiếu DPM	503.784.500	470.004.500	(33.780.000)	503.784.500	447.004.500	(56.780.000)
- Cổ phiếu HVG	478.172.800	413.972.800	(64.200.000)	278.332.500	264.292.500	(14.040.000)
- Cổ phiếu SWC	470.735.000	310.010.000	(160.725.000)	-	-	-
- Cổ phiếu HHS	402.538.850	374.368.850	(28.170.000)	295.077.900	218.397.900	(76.680.000)
- Cổ phiếu LDG	396.674.976	396.674.976	-	-	-	-
- Cổ phiếu HVN	291.035.900	265.995.900	(25.040.000)	-	-	-
- Cổ phiếu CEO	228.342.000	228.342.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu HQC	213.726.800	192.606.800	(21.120.000)	670.604.400	410.324.400	(260.280.000)
- Cổ phiếu TOP	174.661.600	159.809.600	(14.852.000)	-	-	-
- Cổ phiếu DCL	160.440.150	148.400.150	(12.040.000)	-	-	-
- Cổ phiếu FIT	99.457.550	99.457.550	-	159.538.950	134.398.950	(25.140.000)
- Cổ phiếu TDC	80.320.300	80.000.300	(320.000)	-	-	-
- Cổ phiếu ITA	32.081.920	32.081.920	-	-	-	-
- Cổ phiếu VPH	17.488.275	17.488.275	-	-	-	-
- Cổ phiếu PGD	6.622.431	6.622.431	-	-	-	-
- Một số mã cổ phiếu khác	-	-	-	2.559.749.299	2.514.008.499	(45.740.800)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ^(*)	132.100.000.000	132.100.000.000	-	131.800.000.000	131.800.000.000	-
Cộng	137.090.219.535	136.623.389.935	(466.829.600)	136.267.087.549	135.788.426.749	(478.660.800)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Trong kỳ, Công ty chuyển nhượng và đầu tư nhiều mã chứng khoán mới;

Cơ sở giá trị hợp lý: Đánh giá theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết trên sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Trong đó: Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được thế chấp đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hóc Môn (xem thuyết minh số V.19).

(*) Lãi khoản tiền gửi kỳ hạn trên ba (03) tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn.

2b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	42.000.030.000	40.940.879.911	(1.059.150.089)	42.000.030.000	41.342.658.898	(657.371.102)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	42.000.030.000	40.940.879.911	(1.059.150.089)	42.000.030.000	41.342.658.898	(657.371.102)
Đầu tư vào đơn vị khác	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)
Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)	878.238.342	78.238.342	(800.000.000)
Cộng	54.878.268.342	53.019.118.253	(1.859.150.089)	54.878.268.342	53.420.897.240	(1.457.371.102)

Đầu tư vào Công ty con:

Là khoản góp vốn điều lệ thành lập Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303075075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 04 năm 2014 và thay đổi lần 3 ngày 26 tháng 09 năm 2016 (Công ty đầu tư 100% vốn).

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

Là khoản góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn với tỷ lệ 35,00%.

Đầu tư vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải, tỷ lệ góp vốn 8,4% (Công ty đang làm thủ tục giải thể theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải số: 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-BTĐK ngày 03 tháng 01 năm 2014).

2c. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản lập dự phòng đầu tư Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Hóc Môn và khoản trích lập dự phòng đầu tư Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	-	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(1.059.150.089)	(657.371.102)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(800.000.000)	(800.000.000)
Cộng	(1.859.150.089)	(1.457.371.102)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	(1.457.371.102)	(800.000.000)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(401.778.987)	(192.914.235)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(1.859.150.089)	(992.914.235)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	2.011.629.901	2.606.649.329
- Các khách hàng của khối văn phòng công ty	904.949.400	2.009.147.000
- Các khách hàng của cửa hàng xăng dầu bán lẻ	753.524.630	498.086.330
- Các khách hàng của khu pha lóc, chợ thịt, Kios	357.736.500	37.400.000
- Các khách hàng khác	18.995.999	62.015.999
Cộng	2.035.206.529	2.606.649.329

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	348.580.802	603.122.648
- Công ty TNHH Đại Nguyễn	150.000.000	150.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	77.000.000	60.500.000
- Công ty TNHH MTV Thời trang Tín Phát	39.085.200	-
- Công ty TNHH Đo đạc Tư vấn Xây dựng Sơn Trà	35.165.602	-
- Các khách hàng khác	47.330.000	392.622.648
Cộng	348.580.802	603.122.648

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.631.661.756	3.754.380.909
- Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (Công ty con)	3.631.661.756	3.754.380.909
+ Lợi nhuận được chia	3.169.992.502	2.895.792.935
+ Thu hộ tiền cho thuê ô vựa	461.669.254	858.587.974
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.749.405.601	1.521.751.392
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.618.715.001	1.385.479.670
- Phải thu các khách hàng khác	130.690.600	136.271.722
Cộng	8.381.067.357	5.276.132.301

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	28.100.000	-	28.100.000	-
- Trạm thu mua heo	22.000.000	-	22.000.000	-
- Võ Văn Tường	6.100.000	-	6.100.000	-
Cộng	28.100.000	-	28.100.000	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Số đầu năm	28.100.000	28.100.000
Trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>28.100.000</u>	<u>28.100.000</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa (*)	4.407.122.324	(45.051.429)	5.774.668.700	(45.051.429)
Cộng	<u>4.407.122.324</u>	<u>(45.051.429)</u>	<u>5.774.668.700</u>	<u>(45.051.429)</u>

(*) Chủ yếu là xăng, dầu và nhớt các loại còn tồn kho.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trang bị bảng quảng cáo	295.378.246	149.501.332
- Ốp Inox tường nhà lồng chợ thịt	116.666.666	-
- Bảo hiểm các cửa hàng xăng dầu	29.694.546	64.782.000
- Bảo hiểm nhà lồng chợ rau, chợ thịt	26.170.167	29.183.169
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.256.186	60.899.999
Cộng	<u>533.165.811</u>	<u>304.366.500</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Số đầu năm	304.366.500	116.400.625
Phát sinh trong kỳ	809.064.406	259.330.407
Phân bổ trong kỳ	(580.265.095)	(242.722.669)
Số cuối kỳ	<u>533.165.811</u>	<u>133.008.363</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phí thuê đất trạm cung cấp nước sạch (*)	4.680.237.466	4.728.821.248
- Chi phí thay mái tôn nhà lồng chợ, trái nhựa đường chợ ĐMNSTP Hóc Môn	3.258.284.241	1.906.042.860
- Thuê mặt bằng cửa hàng xăng dầu số 3 Đông Thạnh	718.160.000	826.160.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	114.638.648	192.234.098
Cộng	8.771.320.355	7.653.258.206

(*) Thời gian phân bổ theo thời gian thuê thực tế là năm mươi (50) năm được quy định tại Văn bản thỏa thuận ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	7.653.258.206	6.295.495.000
Phát sinh trong kỳ	1.902.834.750	2.526.673.549
Phân bổ trong kỳ	(784.772.601)	(513.764.485)
Số cuối kỳ	8.771.320.355	8.308.404.064

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	15.925.399.498	8.351.197.357	1.975.104.358	91.175.396	26.342.876.609
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	38.900.000	38.900.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	38.900.000	38.900.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	15.925.399.498	8.351.197.357	1.975.104.358	130.075.396	26.381.776.609
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	9.494.787.425	6.670.297.113	1.975.104.358	56.573.654	18.196.762.550
2. Tăng trong kỳ	596.012.650	377.861.966	-	9.683.718	983.558.334
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	10.090.800.075	7.048.159.079	1.975.104.358	66.257.372	19.180.320.884
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.430.612.073	1.680.900.244	-	34.601.742	8.146.114.059
2. Tại ngày cuối kỳ	5.834.599.423	1.303.038.278	-	63.818.024	7.201.455.725

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 7.540.937.502 đồng.
- Không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	16.210.028.034	16.210.028.034
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	16.210.028.034	16.210.028.034
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.961.961.378	1.961.961.378
2. Tăng trong kỳ	160.510.914	160.510.914
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.122.472.292	2.122.472.292
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	14.248.066.656	14.248.066.656
2. Tại ngày cuối kỳ	14.087.555.742	14.087.555.742

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 0 đồng.
- Công ty không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	62.172.463.101	-	-	62.172.463.101
- Nhà lồng chợ rau	13.161.237.343	-	-	13.161.237.343
- Nhà lồng chợ thịt	7.512.905.862	-	-	7.512.905.862
- Kho mát	2.109.255.380	-	-	2.109.255.380
- Cơ sở hạ tầng	39.389.064.516	-	-	39.389.064.516
Giá trị hao mòn lũy kế	32.221.289.965	737.919.006	-	32.959.208.971
- Nhà lồng chợ rau	6.624.489.458	263.224.746	-	6.887.714.204
- Nhà lồng chợ thịt	2.754.732.156	150.258.120	-	2.904.990.276
- Kho mát	1.847.551.496	175.771.284	-	2.023.322.780
- Cơ sở hạ tầng	20.994.516.855	148.664.856	-	21.143.181.711
Giá trị còn lại	29.951.173.136	-	737.919.006	29.213.254.130
- Nhà lồng chợ rau	6.536.747.885	-	263.224.746	6.273.523.139
- Nhà lồng chợ thịt	4.758.173.706	-	150.258.120	4.607.915.586
- Kho mát	261.703.884	-	175.771.284	85.932.600
- Cơ sở hạ tầng	18.394.547.661	-	148.664.856	18.245.882.805

Trong đó:

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 488.023.401 đồng.
- Nguồn vốn ngân sách cấp là: 29.626.768.849 đồng.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án Khu dân cư 05 ha xã Xuân Thới Đông (*)	151.134.057.601	87.719.743.269
- Dự án Trung tâm Thương mại (**)	18.181.818.182	18.181.818.182
- Dự án Khu dân cư Tân Xuân	2.014.610.841	1.881.536.329
Cộng	171.330.486.624	107.783.097.780

(*) Theo Quyết định số 2815/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn được công nhận làm chủ đầu tư dự án Khu nhà ở với diện tích là 21.728,70 m² tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn;

(**) Là chi phí chuyển nhượng tầng 4 tại Trung tâm Thương mại Hóc Môn. Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân.

13. Phải trả cho người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>	7.340.140.123	6.325.097.764
- Công ty CP Tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Huy Long	1.606.060.000	666.660.000
- Các đối tượng khác	734.080.123	658.437.764
Cộng	7.340.140.123	6.325.097.764

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là người mua trả trước tiền xăng dầu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	243.099.450	79.300.050
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lê Hoa	126.559.400	-
Các khách hàng khác	116.540.050	79.300.050
Cộng	243.099.450	79.300.050

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
- Thuế giá trị gia tăng	492.244.955	-	2.406.874.631	(2.626.800.518)	272.319.068	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	356.639	-	2.832.167	(2.769.230)	419.576	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	237.583.758	2.685.898.959	(3.062.493.057)	-	614.177.856
- Thuế môn bài	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân (từ tiền lương, tiền công)	39.476.185	-	1.119.575.458	(1.121.438.720)	37.612.923	-
- Thuế thu nhập cá nhân (từ đầu tư vốn)	-	-	201.341.739	(92.227.620)	109.114.119	-
- Tiền thuế đất - thuế nhà đất	-	-	2.637.999.643	(2.637.999.643)	-	-
CỘNG	532.077.779	237.583.758	9.072.522.597	(9.561.728.788)	419.465.686	614.177.856

15a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ bán ra trong nước là 10%.

15b. Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh karaoke với thuế suất 30%.

15c. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

15d. Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

15e. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Công ty trích quỹ lương theo quy chế về trả lương, trả thưởng số 153/QC-HTC ngày 02 tháng 08 năm 2013. Theo quy chế này, tổng quỹ tiền lương trong năm tài chính của công ty được xác định theo công thức: (Tổng thu - tổng chi) x Đơn giá tiền lương.

Đơn giá tiền lương năm 2017 là 50% (Đơn giá tiền lương năm 2016 là 30%)

17. Doanh thu chưa thực hiện

Chủ yếu là doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động cho thuê ô vựa tại Chợ đầu mối Nông sản Thực Phẩm Hóc Môn.

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện khác</i>	<i>155.110.184</i>	<i>135.181.819</i>
- Chợ thịt	14.000.000	14.000.000
- Khu phá lóc	39.019.272	32.727.272
- Kho mát	83.000.000	83.000.000
- Hầm đất	19.090.912	5.454.547
Cộng	<u>155.110.184</u>	<u>135.181.819</u>

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện khác</i>	101.294.784.055	98.743.906.913
- Chợ rau	58.754.943.218	59.555.989.418
- Chợ thịt	28.903.566.675	29.257.466.673
- Kios, hầm đất	11.774.852.842	8.049.740.162
- Cho thuê căn tin	1.861.421.320	1.880.710.660
Cộng	101.294.784.055	98.743.906.913

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.643.543.641	10.039.336.576
- Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (*)	5.643.543.641	10.039.336.576
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	33.482.304.962	5.982.304.962
- Tài sản thừa chờ giải quyết	56.117.999	56.117.999
- Kinh phí công đoàn	15.218.052	15.218.052
- Nhận ký quỹ, ký cược (**)	32.500.000.000	-
- Tiền mua cổ phiếu ESOP	-	5.000.000.000
- Các khoản phải trả khác	910.968.911	910.968.911
Cộng	39.125.848.603	16.021.641.538

(*) Là tiền Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn chuyển về để thực hiện việc nộp tiền thuê đất của dự án chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn theo Công văn số 87/HTC-CV ngày 17 tháng 06 năm 2016.

(**) Là khoản tiền đặt cọc của các cá nhân để đăng ký quyền mua sản phẩm của Dự án Khu dân cư 5ha tại xã Xuân Thới Đông. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phạm Thị Ngọc Dung	27.000.000.000	-
- Các cá nhân khác	5.500.000.000	-
Cộng	32.500.000.000	-

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.933.217.833	53.172.323.712
- Nhận ký quỹ, ký cược tiền cho thuê Kios	1.670.000.000	1.960.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	263.217.833	51.212.323.712
Cộng	1.933.217.833	53.172.323.712

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	63.758.214.523	63.758.214.523	-	-
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hóc Môn (*)</i>	63.758.214.523	63.758.214.523	-	-
Cộng	63.758.214.523	63.758.214.523	-	-

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hóc Môn theo hợp đồng vay vốn số: 01/2016/7621334/HĐTC ngày 11 tháng 10 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,5%/năm, hợp đồng 01/2016/7621334/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,3%/năm thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hóc Môn(xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	380.168.112.860	3.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(316.409.898.337)	(3.000.000.000)
Số cuối kỳ	63.758.214.523	-

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Tăng khác ^(*)	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	4.216.979.802	2.858.667.956	15.000.000	(2.008.582.500)	5.082.065.258
- Quỹ phúc lợi	458.352.955	2.858.667.956	-	(2.229.423.939)	1.087.596.972
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(195.340.966)	2.662.651.158	-	(2.467.310.192)	-
- Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị ^(**)	-	1.715.200.773	-	-	1.715.200.773
Cộng	4.479.991.791	10.095.187.843	15.000.000	(6.705.316.631)	7.884.863.003

(*) Khoản tăng khác là tiền nhận khen thưởng từ Tổng công ty Bến Thành- Công ty TNHH MTV.

21. **Vốn chủ sở hữu**

21a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	66.903.121.719	26.074.898.794	145.478.020.513
Tăng trong năm trước	52.500.000.000	15.736.617.582	67.773.359.116	136.009.976.698
Giảm trong kỳ	-	(52.500.000.000)	(30.847.014.750)	(83.347.014.750)
- Trích lập các quỹ	-	-	(19.822.014.750)	(19.822.014.750)
- Chia cổ tức	-	-	(11.025.000.000)	(11.025.000.000)
- Bổ sung nguồn vốn	-	(52.500.000.000)	-	(52.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	105.000.000.000	30.139.739.301	63.001.243.160	198.140.982.461
Số dư đầu năm này	105.000.000.000	30.139.739.301	63.001.243.160	198.140.982.461
Tăng trong kỳ	5.000.000.000	44.478.171.273	18.307.858.666	67.786.029.939
Giảm trong kỳ	-	-	(61.998.359.116)	(61.998.359.116)
- Trích lập các quỹ	-	-	(54.573.359.116)	(54.573.359.116)
- Chia cổ tức	-	-	(7.425.000.000)	(7.425.000.000)
Số dư cuối kỳ	110.000.000.000	74.617.910.574	19.310.742.710	203.928.653.284

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết nguồn vốn	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn cổ đông Nhà nước (*)	23,86%	26.243.000.000	26.243.000.000
- Vốn cổ đông khác	76,14%	83.757.000.000	78.757.000.000
Cộng	100,00%	110.000.000.000	105.000.000.000

(*) Vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Bến Thành- Công ty TNHH MTV.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Vốn theo Giấy CNĐKKD	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
- Vốn cổ đông Nhà nước	26.243.000.000	26.243.000.000	-
- Vốn cổ đông khác	83.757.000.000	83.757.000.000	-
Cộng	110.000.000.000	110.000.000.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	105.000.000.000	52.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	5.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	110.000.000.000	52.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.425.000.000	10.500.000.000

21d. Cổ tức

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	5.500.000.000	3.150.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	5.500.000.000	3.150.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

(*) Công ty đang thực hiện thủ tục chốt số lượng cổ phần để tạm ứng cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 116/2017/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2017.

21e. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	10.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21f. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

Quỹ khen thưởng

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Quỹ phúc lợi

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

21g. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 53/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2017 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

- Quỹ khen thưởng	2.858.667.956
- Quỹ phúc lợi	2.858.667.956
- Quỹ thưởng Ban Điều hành	2.662.651.158
- Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị	1.715.200.773
- Quỹ đầu tư phát triển	44.478.171.273
- Chia cổ tức cho các cổ đông	7.425.000.000
Cộng	61.998.359.116

22. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Là chi phí đầu tư xây dựng Chợ Đầu mối Nông sản Hóc Môn bằng ngân sách Nhà nước đã được quyết toán.

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Số đầu năm	12.510.497.370	14.015.808.690
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	752.655.660
Số cuối kỳ	12.510.497.370	13.263.153.030

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

- Số đầu năm	70.946.464	70.946.464
- Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-	-
- Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	70.946.464	70.946.464

Chi tiết gồm:

- Trần Văn Ri	66.058.436	66.058.436
- Chi phí ủy thác xuất khẩu	1.360.278	1.360.278
- Các khách hàng khác	3.527.750	3.527.750
Cộng	70.946.464	70.946.464

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu thuần

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Doanh thu bán hàng	1.034.471.344.515	542.322.280.998
+ Xăng dầu, nhớt các loại	1.032.847.433.043	540.938.163.652
+ Hàng ăn uống	1.623.911.472	1.384.117.346
- Doanh thu bán thành phẩm	1.185.753.364	2.109.688.546
+ Bán nền dự án khu dân cư	1.185.753.364	2.109.688.546
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.472.882.003	3.655.263.860
+ Cho thuê mặt bằng	4.472.882.003	3.655.263.860
- Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư	1.620.546.198	1.580.946.198
+ Chợ rau	801.046.200	801.046.200
+ Chợ thịt	819.499.998	779.899.998
Cộng	1.041.750.526.080	549.668.179.602

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn	733.935.058	33.645.568
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	733.935.058	33.645.568

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Giá vốn bán hàng	1.014.611.559.059	523.683.316.476
+ Xăng dầu, nhớt các loại	1.013.910.862.439	523.113.718.062
+ Hàng ăn uống	700.696.620	569.598.414
- Giá vốn bán thành phẩm	173.077.488	356.998.464
+ Bán nền dự án khu dân cư	173.077.488	356.998.464
- Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư	741.767.006	742.059.006
- Hao hụt mất mát hàng tồn kho	657.912.908	593.949.626
Cộng	1.016.184.316.461	525.376.323.572

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.842.349.336	6.772.532.855
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.658.569.135	3.143.458.272
- Lãi kinh doanh chứng khoán	638.499.503	261.584.080
Cộng	13.139.417.974	10.177.575.207

4. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	749.135.587	192.914.235
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(359.187.800)	-
- Lãi vay	625.457.297	2.280.000
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	38.422.576	1.109.526
Cộng	1.053.827.660	196.303.761

5. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nhân viên bán hàng	4.950.559.402	5.344.199.445
- Chi phí vật liệu quản lý	23.783.709	21.412.508
- Chi phí công cụ dụng cụ	118.180.300	154.090.805
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	956.172.082	943.060.073
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.890.858	1.315.549.445
- Chi phí bằng tiền khác	81.657.717	110.055.502
Cộng	7.779.244.068	7.888.367.778

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nhân viên quản lý	3.704.609.114	4.805.040.462
- Chi phí vật liệu quản lý	50.012.910	72.173.980
- Chi phí công cụ, dụng cụ	79.218.318	81.381.781
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.897.166	183.322.812
- Thuế, phí và lệ phí	2.655.999.643	750.656.120
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.360.735	563.429.117
- Các chi phí khác	1.194.188.615	1.170.155.332
Cộng	9.601.286.501	7.626.159.604

7. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	720.000.000	2.390.000.000
- Thanh lý tài sản, công cụ, bán phế liệu	1.909.091	118.181.818
- Thu nhập khác	579.170	1.257.625
Cộng	722.488.261	2.509.439.443

8. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.993.757.625	21.052.445.430
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(7.564.262.836)	(8.198.089.315)
- Các khoản điều chỉnh tăng	278.086.500	634.443.540
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.842.349.336)	(8.832.532.855)
Thu nhập chịu thuế	13.429.494.789	12.854.356.115
- Thu nhập chịu thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.685.898.959	2.570.871.223
Thuế TNDN các năm trước bị truy thu	-	172.275.832
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.685.898.959	2.743.147.055

9. Lãi cơ bản cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên Báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn vì đây là Công ty mẹ. Theo Khoản 3.19 và 3.20 Điều 113 Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, chi tiêu này sẽ trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí vật liệu quản lý	271.195.237	329.059.074
- Chi phí nhân công	8.655.168.516	10.149.239.907
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.881.988.254	1.864.301.891
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.378.251.593	1.878.978.562
- Chi phí khác	3.931.845.975	2.030.866.954
Cộng	18.118.449.575	16.252.446.388

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT:VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	380.168.112.860	3.000.000.000
Cộng	<u>380.168.112.860</u>	<u>3.000.000.000</u>

4. Trả tiền nợ gốc vay

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	316.409.898.337	3.000.000.000
Cộng	<u>316.409.898.337</u>	<u>3.000.000.000</u>

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Tiền lương, thù lao	5.252.889.740	1.494.086.041
- Tiền thưởng	333.958.306	191.282.672
- Cổ tức	3.781.006.380	3.754.673.875
Cộng	9.367.854.426	5.440.042.588

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn	Công ty con (tỷ lệ vốn góp 100%)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp 35,00%)
Ông Tô Văn Liêm	Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty CP Chế biến Thực phẩm Hóc Môn (Công ty liên kết).
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (Công ty con).

3c. Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty con	7.762.349.336	6.761.072.855
- Đã thu lợi nhuận từ Công ty con	7.488.149.769	6.422.904.621
- Phải thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ	3.632.856.580	3.701.012.580
- Phải thu bãi giữ xe	771.000.000	-
- Đã thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ	3.993.446.734	3.794.408.027
- Đã thu thu bãi tiền bãi giữ xe	771.000.000	-
- Doanh thu	733.935.058	33.645.568
- Chi phí, giá vốn	733.935.058	33.645.568

3d. Số dư cuối kỳ với Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Lợi nhuận còn phải thu Công ty con	3.169.992.502	3.028.970.362
- Phải thu tiền cho thuê ô vựa còn phải thu hộ	819.405.754	902.756.936
- Phải trả Công ty con	5.643.543.641	11.000.000.000

4. Báo cáo bộ phận

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Thương mại	Dịch vụ	Bất động sản	Cộng
6 tháng đầu năm 2017				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.847.433.043	7.717.339.673	1.185.753.364	1.041.750.526.080
Giá vốn hàng bán	1.014.568.775.347	1.442.463.626	173.077.488	1.016.184.316.461
Lãi gộp	18.278.657.696	6.274.876.047	1.012.675.876	25.566.209.619
6 tháng đầu năm 2016				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	540.938.163.652	6.620.327.404	2.109.688.546	549.668.179.602
Giá vốn hàng bán	523.707.667.688	1.311.657.420	356.998.464	525.376.323.572
Lãi gộp	17.230.495.964	5.308.669.984	1.752.690.082	24.291.856.030

4b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay là : Giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (xem thuyết minh số V.19). Giá trị của tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 52.100.000.000 đồng.

Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản cầm cố này.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN MỸ